

# TÔNG CẢNH LỤC

## QUYÊN 86

Hỏi: Phàm, xác định một tâm, ngoài tâm không pháp, chỗ Thánh giáo ẩn lý sự viên dung, chỉ như trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Phương tiện nói rõ mười giới mười như, tánh tướng nhân duyên quả báo gốc ngọn, trước sau chẳng lộn, hành tướng chẳng phải hư. Nay chỉ nói một tâm, làm sao hợp giáo?

Đáp: Một tâm tức là thật tướng các pháp, cũng là thật tánh các pháp. Nhưng các pháp tức là thật tướng, thật tướng tức các pháp từ chỗ tâm hiện, tánh tướng toàn đồng. Nương gốc đuổi vết, lý sự chẳng phải khác. Như các gợn sóng động mà thể nước thường bày. Vì nước đoạt sóng, sóng không đâu chẳng tận, tuy các pháp tự khởi mà tâm tánh luôn hiện, vì tâm gồm thấu pháp, pháp không gì chẳng không. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Chẳng thấy một pháp vượt ngoài pháp tánh.” Lại nói: “Tất cả pháp hương thú sắc là hương thú chẳng qua”. Như trong Thai Giáo giải thích kinh Pháp Hoa nói về pháp của mười pháp giới mười như nhân quả, tất cả chỉ tâm tạo là, tức tướng như vậy tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn rốt ráo v.v... như vậy. Tướng như vậy là phàm tướng vì y cứ bên ngoài soi xét mà có thể phân biệt. Trong Thích Luận nói: “Dễ biết nên gọi là tướng, như nước lửa tướng khác nhau thì dễ có thể biết. Như sắc mặt người đầy đủ các tốt lành chẳng? Soi xét tướng bên ngoài tức biết bên trong đó, xưa kia Tôn, Lưu tướng hiển, Tào công tướng ẩn, tướng là cất tiếng khóc lớn, bốn biển ba phần trăm họ trà độc, nếu nói có tướng, tối là chẳng biết, nếu nói không tướng bói thì giải suốt, phải tùy thiện tướng là, tin bên ngoài mặt người đủ tất cả tướng vậy. Tâm cũng như vậy, đủ tất cả tướng, tướng chúng sinh ẩn, tướng Di-lặc hiện. Đức Như Lai khéo biết nên xa gần đều ghi nhớ. Chẳng khéo quán là chẳng tin tâm đủ tất cả tướng, phải tùy một thật quán là tin tâm đủ tất cả tướng vậy. Tánh như vậy là, vì căn cứ bên trong chẳng cải đổi, gọi là tánh. Lại tánh gọi là tánh phần, nghĩa của

chúng loại, phân phần mà chẳng đồng, mỗi mỗi chẳng thể cải đổi. Như lửa lấy nhiệt làm tánh, nước lấy ẩm ướt làm tánh v.v... chẳng cải đổi căn cứ lý, chúng loại căn cứ sự. Lại, tánh là thật tánh. Thật tánh tức là lý tánh, cực thật không lỗi, tức tên khác của một tâm Phật tánh vậy. Lại, trong kinh Vô Hành nói: “Xưng tánh chẳng động là, tức nghĩa chẳng cải đổi”. Nay nói rõ tánh bên trong chẳng thể cải đổi, như tánh lửa trong tre, tuy chẳng thể thấy nhưng chẳng được nói là không, người lửa vô khô khắp cùng đốt cháy tất cả. Tâm cũng như vậy, đủ tất cả tánh năm ấm, tuy chẳng thể thấy mà chẳng được nói không, dùng mắt trí quán đủ tất cả tánh. Thể như vậy là, thể là nghĩa chủ chất, mười pháp giới ấm nhập đây, đều dụng sắc tâm làm thể chất. Lực như vậy là, nghĩa kham làm như Vương Lực Sĩ ngàn muôn kỹ năng. Bệnh nên gọi là không bệnh lành có dụng, tâm cũng như vậy, có đủ mười lực của Như Lai. Bệnh phiền não nên chẳng năng vận động, như thật quán sát đó đủ tất cả lực. Tác như vậy vận động là nghĩa kiến lập, nếu lìa tâm là không chỗ làm, nên biết tâm đủ tất cả tác. Nhân như vậy là, chiêu quả làm nhân, cũng gọi là nghiệp, mười pháp giới nghiệp khởi tự nơi tâm. Chỉ khiến có tâm, các nghiệp đầy đủ, nếu không ở tâm tức không các nghiệp vì tất cả nghiệp thiện ác Thánh phàm v.v... chỉ tâm tạo vậy. Duyên như vậy là, duyên gọi là duyên do trợ nghiệp đều là nghĩa duyên, vô minh, ái v.v... năng đượm nhuần nơi nghiệp, tức tâm làm duyên, lìa tâm duyên chẳng khởi. Quả như vậy đạt được là quả, nếu tự tâm tạo thiện đạt được quả lạc, nếu tự tâm tạo ác, đạt được quả khổ. Báo như vậy, thù đáp nhân là báo, một niệm tâm chánh diệu báo thù đáp nhau, một niệm tâm tà, quả kém ngấm hiện, gió hòa vang thuận, hình ngay bóng thẳng thì tà chánh tại tâm, được mất do ngã, tướng làm gốc báo làm ngọn, gốc ngọn đều vào duyên sinh, duyên sinh nên không, thì không v.v... vậy. Tướng chỉ có chữ, báo chỉ có chữ, đều giả khái niệm, thì giả v.v... vậy. Lại tướng tức không tướng, không tướng mà tướng, chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng, báo cũng vậy, mỗi mỗi đều vào khoảng như thật, thì trung v.v... Nếu ba đường xấu ác dùng tiêu biểu khổ làm tướng, quyết định ác làm tánh, xô bẻ sắc tâm làm thể, lên dao vào vạc làm lực, khởi mười bất thiện làm tác, nghiệp ác hữu lậu làm nhân, ái thủ v.v... làm duyên, ác tập quả làm quả, ba ác thú làm báo, gốc ngọn đều si làm v.v... cho đến Bồ-tát Phật là nhân duyên làm tướng, liễu nhân làm tánh. Chánh nhân làm thể, tứ hoằng làm lực, sáu độ muôn hạnh làm tác, trí tuệ trang nghiêm làm nhân, phước đức trang nghiêm làm duyên, Tam-bồ-đề làm quả, Đại Niết-bàn làm báo, gốc ngọn đều trí làm dẫn trước làm v.v...

nên biết mười giới mười như nhân duyên thiện ác, quả báo phàm Thánh đều là một tâm, duyên luận pháp riêng biệt, đó mới là Từ phụ của phát tâm Bồ-đề cứu cánh, là Đạo sư đưa qua đồng trống hư vọng sinh tử là bến bờ của chuyển phàm vào Thánh, là đường tắt của hội tụ tặc về chân vậy. Thí như nhạc trời, tùy niệm của chúng sinh mà phát ra các thứ âm thanh, cũng như châu ma-ni tùy chỗ ý mong cầu mà mưa các thứ báu, tâm đây vô tận, mang chứa pháp nào cùng, sắc pháp còn vậy, chân linh đâu kém.

Hỏi: Phàm Thánh đã đồng một tâm, cơ sao Thánh nhân thành Nhất thiết chủng trí, phàm phu riêng việc chẳng biết ư?

Đáp: Chỉ vì phàm phu trái giác hợp trần, bị trần ngăn ngại, mê chân theo vọng, bị vọng cản ngăn. Do đó trong giáo dèm chê đó là sống mù, chẳng mở mắt trí, cười trách đó là tục điếc, đâu đạt thật nghe, tự tâm và tha tâm cả hai đều chẳng rõ, sao có thể bác thông muôn loại thành Nhất thiết chủng trí ư? Như trong kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni nói: “Phật dạy: Này thiện nam! Nếu các Phật tử muốn được thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, nếu muốn khéo hay biết tự tâm, cho đến trước nên phát khởi tâm đại từ bi, khắp vì chúng sinh quy y Tam bảo, thọ giới Bồ-tát v.v...” Vì vậy, tự tâm khó biết chớ năng khéo xét, chẳng vào Tông Kính sao năng chiếu sáng, nếu rõ tự tâm tức năng chóng phát tâm Bồ-đề. Do vậy, tâm đó miên mật người đời chẳng năng biết. Người xưa có thiên Tâm Ấn nói là: “Lớn của trời đất, có thể dùng sao chương trình lường vậy, động của ba thứ ánh sáng, có thể dùng sao khuê bày tỏ đó vậy. Tiếng của sấm sét, có thể dùng chuông trống truyền vậy, biến của gió mưa có thể dùng âm luật biết vậy. Nên có tượng có thể thấy, chẳng năng núp lượng đó, có ánh sáng có thể thấy, chẳng năng ẩn vết đó. Có tiếng có thể nghe, chẳng năng giấu vang đó, có sắc có thể xét, chẳng năng diệt tánh đó. Vì, phàm trời đất âm dương khó rõ, còn có thể dùng thuật số đo lường mà tai mắt biết, đến nơi tâm người thì khác với đó vậy. Tâm ở bên trong, tình núp bên trong, chẳng thể dùng toán số mà lường vậy. Tâm của người phàm, hiểm ở núi sông, khó biết ở trời, trời có xuân hạ thu đông, kỳ hạn của sớm tối. Người là dáng hậu tình sâu chẳng thể mà biết vậy, có tâm cứng mà sắc mềm, dung mạo quả quyết mà chất yếu, ý mạnh mà hành mạn (phóng túng, tánh tức giận mà sự thông thả, giả trang sức ở ngoài để che tình đó, mừng mà hân vui, giận mà hân ghét, cười chưa hân vui sướng, khóc chưa hân đau buồn. Tạng đó tình ẩn, hành chưa dễ lường vậy. Tha tâm còn chẳng thể lường, cảnh ngoài thì sao năng biết. Nên trong luận Đại

Thừa Khởi Tín nói: “Chúng sinh vì nương nhiễm tâm năng kiến năng hiện, vọng thỉ cảnh giới mê tánh bình đẳng vậy. Vì tất cả pháp thường lẳng không có tướng khởi, vô minh bất giác vọng cùng pháp trái nghịch vậy, chẳng năng được tùy thuận thế gian tất cả cảnh giới các thứ biết vậy, cho nên ngoài tâm không pháp ngoài pháp không tâm, chỉ rõ một tâm, các trần tự hội, khởi tâm trái pháp tức trái pháp thể, đã cũng pháp trái nghịch thì chẳng thông đạt, nếu năng thuận tánh pháp giới hợp tâm chân như thì Bát-nhã vô vi không chỗ chẳng biết vậy.

Hỏi: Nếu rõ một tâm, sao dùng rộng biết các pháp?

Đáp: Một tâm là tổng, các pháp là biệt, biết tuy từ tổng nhưng sự khởi ngàn sai, nếu chẳng tử tế thông rõ, ngăn chiếu đều vận thì lý đơn sự lẽ, chẳng vào viên thông. Trong kinh Duy-ma nói: “Khéo hay phân biệt tướng các pháp, ở Đệ nhất nghĩa mà chẳng động”. Trong Thai Giáo nói: Ở các pháp môn biến giáo văn nghĩa phải rõ chẳng phải chữ chẳng phải chẳng phải chữ, song chiếu chữ chẳng phải chữ, chẳng thể nói, chẳng phải chẳng thể nói, chẳng thể thấy, chẳng phải chẳng thể thấy, chỗ nào chọn lựa, chỗ nào chẳng chọn lựa, chỗ nào nhiếp, chỗ nào chẳng nhiếp, chỗ nào bỏ, chỗ nào chẳng bỏ, phải thì đều phải, quấy thì đều quấy, năng ở sắc mực thông đạt tất cả quấy, ở tất cả quấy thông đạt tất cả phải. Thông đạt tất cả quấy, chẳng phải quấy là tất cả pháp tà tất cả pháp chánh, như trùng ăn gỗ chẳng biết chỗ về, thợ chim nói không, sao biết chỉ thú.

Hỏi: Một sắc một hương không gì chẳng là Trung đạo, lấy gì làm Trung đạo?

Đáp: Tạm căn cứ bốn câu phân biệt của các sư xưa trước. Như trong Trung Luận Huyền Xu nói: “Hỏi: Ông lấy chẳng sinh chẳng diệt làm Trung đạo, có Trung đạo đây chăng? Nếu có Trung đạo đây thì chẳng gọi là Trung đạo. Nếu không Trung đạo đây cũng gọi là Trung, cả hai đều chẳng thể được sao gọi là Trung đạo? Đáp: Có bốn nghĩa: Một, có Trung đạo đây. Tại sao? Vốn đem Trung đạo phá thiên lệch, sao được không Trung đạo? Vì có nghĩa không, nên các pháp được thành. Nếu không nghĩa không, thì tất cả chẳng thành. Không tức là Trung đạo vậy; Hai, không Trung đạo đây. Tại sao? Vì phá bệnh thiên lệch, cho nên nói Trung, bệnh thiên lệch đã mất, thuốc trung phải bỏ. Nếu có Trung đạo trung trở lại là bệnh; Ba, cũng có Trung đạo cũng không Trung đạo. Tại sao? Chí lý hư còn, nên gọi là cũng có, không hình không tướng nên gọi là cũng không. Như trong kinh Niết-bàn nói: “Trong ngoài hợp nên gọi là Trung đạo”; Bốn, chẳng phải có Trung đạo chẳng phải không Trung

đạo. Tại sao? Đã nói Trung đạo, sao được là có? Đã nói Trung đạo, sao được là không? Đây là một qua mà nói vậy, nếu trở lại luận thì chẳng phải bốn câu. Đó là tuyệt đường ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành.

Hỏi: Nếu vậy cứ sao thủ định?

Đáp: Nếu là có chấp thì không chỗ chẳng ngại, nếu là không chấp thì không chỗ chẳng thông. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Nếu người thấy Bát-nhã thì gọi là bị trói buộc, nếu chẳng thấy Bát-nhã cũng gọi là bị trói buộc. Nếu người thấy Bát-nhã thì gọi là giải thoát, nếu chẳng thấy Bát-nhã thì gọi là giải thoát. Trung đạo tức thật tướng là có vậy, Trung đạo tức tánh không là không vậy, cũng gọi là giả danh, cũng có cũng không vậy, cũng gọi là Trung đạo, chẳng phải có chẳng phải không vậy”. Nên biết không chấp thì bốn câu đều phải. Như trong kinh Niết-bàn nói: “Có duyên uống độc sống, không duyên uống độc chết, có uống cam lồ tổn thương mạng mà chết sớm, hoặc có uống cam lồ mà thọ mạng được lâu dài” là nghĩa đây vậy.

Hỏi: Là trung tức là đạo, hay là trung tức có đạo? Là đạo tức là trung hay là đạo tức có trung?

Đáp: Như Trung phẩm nhân kia, đây thì là trung mà chẳng phải đạo. Như nhân đạo Tam thừa kia, đây tức là đạo mà chẳng phải trung, như Bồ-tát đạo kia, đây tức cũng Trung cũng đạo. Như đạo ngoại đạo kia, đây tức chẳng phải trung lại chẳng phải đạo. Nay nói Trung đạo, tức là Bồ-tát đạo, là trung không riêng đạo, là đạo không riêng trung, tức lấy đạo làm trung, tức lấy trung làm đạo. Nghĩa trung đây tức là một tâm. Đạo tức là tâm, tâm tức là đạo, vì chân tâm khắp cùng tất cả xứ vậy. Do đó, nói một sắc một hương không gì chẳng là Trung đạo. Trước biện về chỗ thấy chẳng đồng, nên luận được mất. Nếu vào Tông Kính thì hết sạch đồng bình đẳng. Ba thừa năm tánh hoặc trong hoặc ngoài không gì chẳng phải là một tâm Trung đạo vậy. Lại, Trung đạo là vì một chân tâm chẳng trú hai biên có không, nên gọi là Trung đạo. Nếu nói có đó, tất cả chẳng thể tìm, nếu nói không đó, tánh chẳng thể đối. Do đó, Bồ-tát dùng hành khế lý quán tất cả pháp, song ngăn song chiếu song mất song lưu. Thai giáo nói rõ song mất chánh vào thường ngầm Trung đạo, không tâm mất chiếu, mặc tình lặng biết. Song mất tức mất không mất giả, nên gọi là tịch (lặng), chánh vào chỉ là vào trung, nên gọi là chiếu, vừa mất vừa chiếu, nên gọi là song lưu, ngăn lưu căn cứ trí dụng, mất chiếu căn cứ trí thể. Không tâm thích trí thể, trí thể thành tự, chẳng phải tác ý niệm niệm quên chiếu mà thường mặc tình. Vừa lặng lẽ vừa biết, lặng lẽ tức là mất, biết tức là chiếu. Lại, năng sở đều

lặng lẽ nên gọi là song mất, môn lý rõ ràng, xưng làm chánh nhập, chánh vào thì lý không gì chẳng khế, song mất thì tướng không gì chẳng lặng, đó tức là chẳng trú không có, ngăn chiếu phân minh chẳng trệ hai biên, mới thành chánh vào. Trong Triệu Luận nói: “Có tâm là, các thứ ấy vậy, không tâm là thái hư ấy vậy. Các thứ ở nơi vọng niệm, thái hư tuyệt nơi linh chiếu, chẳng thể ở ở vọng tưởng. Tuyệt linh chiếu mà nói Thánh tâm ư? Nên phải ngăn chiếu không trệ, thể dụng tự tại, mới thành môn của lý hạnh”. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát trụ là chẳng nghĩ bàn, ở trung nghĩ bàn chẳng thể tận. Trụ là địa chẳng thể nghĩ bàn, tư và chẳng phải tư đều tịch diệt, nếu chỉ ngăn cảnh nghĩ bàn là, thì phạm Thánh tuyệt phần, nên chẳng phải chỉ ngăn thường tâm, cũng nên dung thường tâm. Vậy thì ở Trung nghĩ bàn chẳng thể tận, ngăn dung không hai, thì tư và chẳng phải tư thể đều tịch diệt, mới gọi là chân chẳng nghĩ bàn vậy. Vậy thì ngăn chiếu không kẹt, lý sự chẳng khuyết, tức ngăn mà chiếu vậy. Song chẳng phải tức là song hành, tức chiếu mà ngăn vậy. Song hành tức là song dứt trừ, chẳng hoại gốc mà thường ngọn, muôn hạnh lẫn lộn, chẳng hoại ngọn mà thường gốc, một tâm luôn lặng lẽ. Do đó, sắc trần thể lặng lẽ, hương giới tánh không, chấp làm biên tà của nó không, đạt thành trung lý Duy thức. Pháp pháp đều tròn biến nguyện, trần trần đều đủ hạnh môn, ứng niệm mà sáu độ đều thành, mục kích mà chân tâm cùng khắp. Như trong kinh vô tận ý Bồ-tát nói: “Cõi nước Như Lai Phổ Hiền, các Bồ-tát kia đang lúc thấy Phật, sau đó năng phân biệt các nghĩa thâm diệu, đầy đủ thành tựu sáu Ba-la-mật. Tại sao? Nếu chẳng thủ sắc tướng tức là đầy đủ Đàn Ba-la-mật, nếu trừ sắc tướng tức là đầy đủ Thi Ba-la-mật, nếu quán sắc tận, tức là đầy đủ Sắng-đề Ba-la-mật. Nếu thấy sắc tịch diệt tức là đầy đủ Tỳ-lê-da Ba-la-mật. Nếu chẳng hành sắc tướng tức là đầy đủ thiền Ba-la-mật. Nếu chẳng hỷ luận sắc tướng tức là đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Các Bồ-tát đó tức lúc quán Phật, sau đó đầy đủ sáu Ba-la-mật như vậy được vô sinh nhẫn.

Hỏi: Môn Duy thức đây, với người chưa rõ dùng phương tiện gì mà vì chỉ dạy?

Đáp: Người mới giác, trước dùng sánh biết sau phải tin nghiệm. Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Tất cả thời xứ đều chỉ có thức, có đó chưa được chân trí giác là ở trong Duy thức làm sao sánh biết? Do Thánh giáo và chánh lý, như Thánh giáo nói ba cõi như vậy đều chỉ có tâm. Lý hiển bày là, như ở trong tâm định tùy chỗ quán thấy các máu ứ xanh v.v... chỗ thấy ảnh tượng tất cả không riêng máu ứ xanh v.v...

mọi sự, chỉ thấy tự tâm. Lại nói: Chủng bên ngoài làm duyên bên trong, pháp chủng tử bên ngoài đều là chủng sinh cả, thọ dụng nghiệp huân chủng tử, nương chỗ lực A-lại-da biến hiện. Cho nên chủng bên ngoài lia bên trong không riêng có chủng. Như có kệ tụng nói:

*“Trời đất gió hư không  
Bờ ao mới biển lớn  
Đều chân chỗ trong làm  
Nghĩa ngoài đều chẳng có”.*

Lại có kệ tụng khác nói:

*“Thánh giáo và chánh lý  
Mỗi riêng có công năng  
Là sinh ở tin tuệ  
Không một chẳng thành vậy”.*

Vì vậy, thức sinh thức đây gọi là tướng phần, biết tướng đây chỉ là tâm bên trong biến, nghĩa bên ngoài chẳng thành vậy. Như có kệ tụng nói:

*“Ở một thân đoan nghiêm dâm nữ  
Xuất gia đắm dục và chớ dối  
Người thầy xướng đẹp ăn uống ngon  
Ba thứ phân biệt mỗi chẳng đồng”.*

Vì tiền trần không tướng quyết định, chỉ tâm tự phân xấu đẹp. Nếu pháp bên ngoài là thật, cố sao mỗi tùy tự thấy chẳng đồng? Vì vậy sánh biết chỉ tâm tự hiện chẳng phải cảnh giới khác. Các bậc Cổ đức nói: “Bồ-tát từ lúc mới chánh tín bắt đầu phát tâm, tức quán tự tánh bản thức thể của nhân quả duyên khởi, được thành chánh tín. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Được bản thức kia nói Bồ-tát mới khởi, nên trước quán các pháp như thật nhân duyên”, là nghĩa đây vậy. Như thật là, không gì chẳng phải một tâm, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu có kẻ mạnh dẫn vào thẳng, người chóng ngộ viên tín, tức lúc mới phát tâm, bèn thành Chánh giác, chẳng động vị của trần lao, ngời khắp tất cả đạo tràng. Chẳng phải dời môn của chỗ tập, đạo khắp cõi nước mười phương. Vì thế, trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

*“Được thừa như vậy  
Khiến các con thấy  
Ngày đêm kiếp số  
Thường được đạo chơi  
Cùng các Bồ-tát  
Và chúng Thanh văn*



*Thừa đây thừa báu  
Thẳng đến đạo tràng  
Vì nhân duyên đó  
Khắp cầu mười phương  
Lại không thừa khác  
Trừ Phật phương tiện  
Nếu năng nương thật  
Tu hành quả mãn  
Chẳng lia một niệm”.*

Như Hoàn Nguyên Quán nói: “Cuộn buông vô ngại, ẩn hiển đồng thời, một khoảng tuyệt thủy chung đó, ra vào mất ở trong ngoài. Tâm mới đầu chánh giác, nhiếp nhiều đời ở sát-na, mười lăm đạo tròn một niệm gồm nói Phật địa, tức không sinh hiển bày mà huyền có lập. Hai tướng hết sạch mà hai sự còn, gồm pháp giới mà gồm một trần, giữ một thân mà mười thân hiện”.

Hỏi: Đã lấy Thánh giáo chánh lý sánh biết, đã sinh thẳng giải muốn vào Thánh vị, duyên cảnh giới nào thân chứng tu hành.

Đáp: Chỉ có nhân không pháp không tức vào quán đây. Nhân pháp vì sao thành không? Vì chỉ có ý ngôn phân biệt, nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Từ nguyện lạc vị cho đến cứu cánh vị, nếu muốn vào Duy thức quán tu gia hạnh, duyên cảnh giới gì? Duyên ý ngôn phân biệt làm cảnh. Lia đây không riêng có cảnh bên ngoài. Tại sao? Ý ngôn phân biệt đây tự văn tự nói phô và nghĩa hiển hiện, chỉ có ý ngôn phân biệt, không riêng có danh ngôn. Bồ-tát năng thông đạt gọi là không chỗ có thì lia trần tà chấp bên ngoài. Lại, nghĩa đây nương danh ngôn chỉ ý ngôn phân biệt. Trước vì dứt trừ danh, từ đây trở xuống nương danh dứt trừ nghĩa. Nghĩa là, tức chỗ sáu thức duyên cảnh lia sinh không riêng cảnh đây. Danh ngôn đã chỉ nương phân biệt vậy. Nghĩa cũng không riêng có thể. Bồ-tát thông đạt nghĩa không chỗ có, cũng lia trần tà chấp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại, danh nghĩa đây tự tánh sai biệt, chỉ giả nói là lượng. Trước đã dứt trừ danh nghĩa. Danh nghĩa đã không tự tánh và sai biệt, làm sao có thể lập. Nếu lia giả nói không riêng có danh nghĩa tự tánh và danh nghĩa sai biệt. Do chứng thấy hai pháp đây chẳng thể được, nên gọi là thông đạt. Trong Lục Hạnh Pháp, Thiền sư Trí Chỉnh nói: “Bồ-tát Đại thừa chóng ngộ, năng quán Duy thức không không bên ngoài” là nghĩa là quán tướng không chỉ là không giải, tâm làm không giải, không tướng không bên ngoài ấy vậy. Hàng đại căn biết Duy thức thì diệt không giải lia các duyên quán. Nên trong luận Đại Trí Độ nói:



“Bồ-tát lúc hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán khắp các pháp đều không, không cũng là không, diệt các quán được Bát-nhã Ba-la-mật”. Lấy văn đây để chứng minh không tướng không bên ngoài đại căn quán trí thì chứng không, không nghĩa là pháp không. Không có đều là vọng thấy, đều là đương thời ý phân biệt làm. Như tâm người khởi thì chỉ thấy người, tâm vi trần khởi thì chỉ thấy vi trần, lúc tâm không khởi thì chỉ thấy không. Cho nên không có đều là tâm làm, nên các phàm Thánh thấy cảnh chẳng đồng, đều là đang lúc ý ngôn có khác. Vì vậy, thế đế mỗi mỗi chỉ có thức, giác không biên bên ngoài, thì gọi là chân đế. Vì hai đế đó chẳng lìa nhau vậy, tức lấy không sinh bên ngoài làm chân đế. Cho nên nếu năng quán thấy Duy thức, tức biết không bên ngoài thì cũng đạt chân. Lúc đạt chân đây, thì không giải bên ngoài, bèn dứt trừ tục đế tâm của đối chấp. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Biết trần không chỗ có, thông đạt chân, biết chỉ có thức, thông đạt tục. Nếu chẳng thông đạt tục, không do đâu năng được thấy chân, vì lìa tục không chân vậy. Nếu chẳng thông đạt chân, không do đâu dứt trừ tục, vì tục không riêng biệt thể vậy. Do đó, thông đạt chân tục do năng giải lý Duy thức vậy”. Dùng văn đây để chứng minh quán Duy thức là, tức đạt hai đế, năng dứt trừ vọng tâm, tuy là căn cứ thật Duy thức không cảnh, xứng tình thì có phàm Thánh lớn nhỏ. Nghĩa là nếu thấy trần, ý cho là người, như ý ngôn đây thì là phàm phu. Nếu quán thân đây, ý cho là trần, như ý ngôn đây thì là Nhị thừa. Nếu quán tế trần, ý cho là thể không, như ý ngôn đây thì là tiểu Bồ-tát. Nếu quán không có biết đều là ý ngôn tức là Đại Bồ-tát thừa. Nên các chúng sinh tuy đều Duy thức, ý ngôn chẳng đồng nên phàm Thánh mỗi khác. Nên người đối đãi căn biết Duy thức là luôn quán tự tâm ý ngôn làm cảnh. Lúc mới quán đây tuy chưa thành Thánh, phân biệt ý ngôn thì là Bồ-tát. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Mới đầu tu quán thì là phàm phu Bồ-tát. Các thứ đây năng quán pháp không sâu mầu, tức cũng từng trải qua từng trải qua Tiểu thừa quán lại, chẳng phải là chẳng hiểu chúng sinh không ngã”. Một qua tức năng chóng thấy pháp không, nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Nếu được pháp không ngã hẳn trước được nhân không ngã”. Nên biết học đại cốt yếu trước từ tiểu, tuy là từ tiểu nhanh chậm riêng biệt, nghĩa là quán sinh không chấp làm cùng cực, sau quán tướng không, tiến học gọi là chậm, nếu có tập lâu, biết tiểu chẳng phải cùng cực, tức giải không không gọi là chóng ngộ, tuy biết ngoài tâm không cảnh, nhưng lúc vào quán cũng từ trần khởi. Vì sắc trần đó chỉ Phật chẳng thấy, vì Phật thường chứng Duy thức không cảnh, vọng tưởng hết vậy, chẳng thấy

trần bên ngoài vậy. Luận kia nói: Như Lai thường chẳng xuất quán nên vắng lặng. Nếu Đại Bồ-tát lúc vào chân quán thì biết Duy thức cũng chẳng thấy trần vậy. Luận kia nói: Bồ-tát nếu vào quán không phân biệt, tất cả trần chẳng hiển hiện. Dùng văn đây chứng minh nên biết Đại Thánh lúc vào chân quán đều chẳng thấy sắc. Ngoài ra, Thánh phàm chớ hỏi lớn nhỏ. Chưa vào không quán thì đều thấy trần, hàng đại căn xuất quán tuy vọng thấy trần, nếu lúc vào quán thì biết Duy thức, vì tự biết đó vọng làm trần giải, không trần có thể phá, bèn chứng Duy tâm, nếu năng quán Trung rõ biết Duy tâm, sau tuy xuất quán vọng thấy tự tha, lúc sau đó lại tư duy biết tự vọng thấy, chẳng đồng phàm tiểu định chấp có bên ngoài, cho đến quán không còn thấy năng sở, nên luận kia nói: Bồ-tát dùng trí hậu đắc không phân biệt quán tướng nhân quả đây, nhưng không điên đảo, chẳng chấp có trần bên ngoài căn bên trong, chỉ thức là thật có pháp, nên biết hàng đại căn một chứng Duy tâm, sau đó tuy xuất quán chẳng chấp có bên ngoài. Nếu lúc quán tự tâm vọng thấy cảnh thì biết chúng sinh mỗi mỗi chỉ có thức. Nên Đại Bồ-tát cho đến Phật lại thường biết chúng sinh tâm vọng thấy nghĩa là biết chúng sinh hoặc làm danh giải. Danh thì là phàm ý ngôn phân biệt, tình nghĩa là tự danh tự bên ngoài hiển hiện, lý là tâm làm, là tướng tự tâm, hoặc làm chỗ dưới sinh nói pháp giải, pháp nghĩa thì là ý ngôn phân biệt, tình nghĩa là có pháp nghĩa bên ngoài hiển hiện. Lý thật pháp nghĩa cũng là tướng tâm. Nên luận kia nói: Mười hai bộ loại kinh đó gọi là giáo, chỗ mười hai bộ loại kinh phân tích đó gọi là lý, tướng tâm tự đây giáo hiển hiện. Dùng văn đây chứng minh, cảnh giới chỗ duyên thấy đều tâm làm, gọi là tướng tâm, chỉ tướng tâm đây cũng gọi là ảnh tâm, cũng gọi là thức tướng và cảnh giới thức. Chúng các phàm tiểu nghĩa là cùng tâm khác. Lý không riêng biệt thể, thật chỉ một thức. Nên luận kia nói: Duy thức chẳng vượt ngoài hai pháp: Một tướng thức; hai kiến thức, tự trần hiển hiện gọi là tướng, nghĩa là cảnh sở duyên, tự thức hiển hiện gọi là kiến, nghĩa là thức năng duyên, định tâm cũng vậy. Hiển hiện tự trần, nghĩa là khác định tâm, một phần tự thức, một phần tự trần. Hai đây thật chỉ là thức. Dùng văn đây chứng minh, cảnh giới tướng thức tức tâm không riêng biệt, chỉ tình vọng thấy. Vì đó chỉ là vọng niệm làm vậy, tức đây là tướng thức cũng gọi là tướng kết, nên luận kia nói: Kết có hai thứ: Một, tướng kết; Hai, thô trọng kết. Tướng kết khó giải, thô trọng kết khó diệt. Tâm phân biệt trần gọi là tướng kết. Do phân biệt đây khởi các hoặc dục sân v.v... gọi là thô trọng kết. Nếu được trí không phân biệt tức giải tướng kết. Tướng kết chẳng khởi, thô

trọng tức tùy diệt. Dùng văn đây chứng minh, cảnh là tướng kết, phàm tiểu mê chấp, gọi là khó giải, cho nên các pháp danh đó và nghĩa đều là tâm làm, phàm tiểu chẳng biết, lý thật chỗ vô thủy duyên danh nghĩa, thường là phàm phu ý ngôn phân biệt, nên luận kia nói: Phàm phu từ gốc lại, ý ngôn phân biệt có hai thứ: Một tợ danh, hai tợ nghĩa. Danh nghĩa nhiếp tất cả pháp đều hết. Danh nghĩa đây chỉ là chỗ ý ngôn phân biệt làm, là đây không riêng có các pháp khác. Dùng văn đây chứng minh, nên biết phàm phu vọng thấy cảnh giới hoặc danh hoặc nghĩa đều là ngay lúc ý ngôn phân biệt, như ăn lang đãng, vọng thấy lửa kim, căn cứ vọng tình kia ý cho là thật, chẳng biết vọng thấy cho là có lửa bên ngoài, căn cứ thật chỉ là ý làm lửa giải. Lửa thì chỉ là ý ngôn phân biệt, cho là có danh lửa. Danh là ý ngôn cho là có sự lửa, sự là ý ngôn chúng sinh vọng thấy tự tâm tha thân địa, thủy, hỏa, phong v.v... đều cũng tợ kia. Tuy là căn cứ thật nghĩa chỉ thức không ngoài khác, căn cứ phàm vọng tình cho là có năng sở. Nên luận kia nói: Nghĩa Duy thức chẳng mất, cũng chẳng không có nghĩa năng thủ sở thủ, tuy là căn cứ tình cho là có trong ngoài, lý chỉ một tâm, không riêng có trần thể, nêu luận kia nói: Chỗ thức biến khác tuy có trong ngoài sự tướng chẳng đồng, thật chỉ một thức, không có thể trần v.v... riêng biệt. Nên biết tự tha sự tướng trong ngoài chỉ là một tâm chuyển biến vọng giải, nên các Đại Thánh biết sinh vọng thấy, tự luôn chẳng thấy, phàm chỗ thấy cảnh là như người chẳng ăn lang đãng, chỉ thấy người khác vọng thấy lửa kim, tự chẳng thấy sự lửa trong không, Phật biết Duy thức. Sự đó tợ đây, nên chẳng đồng phàm vọng thấy cảnh giới, vì sinh vọng thấy vốn không trần bên ngoài, cho nên Như Lai luôn chẳng thấy sắc, chỉ phàm là Thánh có thấy chẳng thấy, chỉ chân khác vọng chớ chẳng Duy thức. Phàm Duy thức ngay là vọng tâm vậy. Trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

*“Duy thức không cảnh giới  
Không trần hư vọng thấy”.*

Nếu Phật Duy thức chỉ có chân tâm, nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói; “Chư Phật Như Lai hành xứ chỉ có chân thức, ngoài ra không thức nào khác. Dùng văn đây chứng minh, Phật không thức vậy, nên chẳng đồng phàm vọng thấy cảnh bên ngoài, vì thật Duy thức vốn không bên ngoài vậy, nghiệp chẳng đồng là, một chất khác thấy, như người thấy nước, quỳ thấy là lửa, cá cho là nơi ở, trời lấy làm đất. Lại như Xá-lợi-phất vọng thấy cõi uế, Bồ-tát Loa Kế tức đây thấy tịnh. Nếu khiến thật có nước lửa uế tịnh, đồng xứ phòng ngại nhau chẳng được hòa hợp, vì mỗi vọng thấy bằng không bên ngoài vậy nhiều tâm cộng

xứ được làm giải riêng. Nếu các chúng sinh đồng nghiệp là, vọng thấy thì đồng lại không giải riêng, đồng nghiệp đây là thay đổi nhau làm nhân. Vọng tưởng thấy nghe chỉ tâm duyên hợp, nên trong luận Duy Thức nói: “Tất cả chúng sinh hư vọng phân biệt tư duy nhớ nghĩ kia nói ta nghe, nương người trước kia nói là ý thức, người ở đây nghe là ý thức, khởi tâm như vậy, kia nói ta nghe, mà thật không có cảnh giới trước kia. Kệ tụng đó nói đáp đối cộng tăng thượng nhân tâm kia đây duyên hợp. Dùng văn đây chứng minh, nghiệp tương do là đáp đối hỗ tương làm nhân, mỗi vọng thấy nghe, vì sáu đường đó đều tâm duyên hợp. Ba cõi thì là Duy tâm chuyển làm, nên trong kinh Thập Địa nói: “Ba cõi hư vọng chỉ một tâm làm”. Luận tự giải thích rằng: Một tâm làm là, Duy tâm chuyển vậy, nên biết ba cõi đồng thấy riêng thấy đều là tự tâm chuyển biến giải khác. Đồng thấy nghe là, tuy tâm duyên hợp, tâm không hình tướng luôn chẳng phải trong ngoài. Nếu cho là ngoài tâm có tha tâm là, thì là vọng giải, thật không thức bên ngoài. Nên trong luận Duy Thức nói: “Mà thật không có thức bên ngoài có thể thủ”. Cho đến hàng Nhị thừa biết tha tâm là, cho rằng có thức bên ngoài, cũng bèn là vọng. Nên luận kia nói: Hư vọng phân biệt tâm đây biết tâm kia, tâm kia biết tâm đây. Dùng văn đây chứng minh, thật không thức bên ngoài, ngay là phạm tiểu vọng làm giải bên ngoài. Nên luận kia nói: Trí tha tâm là chẳng như thật biết. Tại sao? Vì tự tâm bên trong hư vọng phân biệt lấy làm tha tâm. Chẳng năng rõ biết. Hỏi: Nếu nói phạm tiểu làm giải tha tâm, cố sao được cùng tha tâm tương ứng? Giải thích: Do trước phương tiện tưởng làm tha giải, tự tha giải nên được cùng tương ứng. Phạm tiểu chẳng biết tự làm tha giải, bèn cho rằng nay ta biết tâm người khác, tuy làm tha giải được cùng tương ứng, nghĩa là có năng sở, còn chẳng phải thật biết, nên luận kia nói: Trí tha tâm thế gian là, ở hai pháp kia chẳng như thật biết, vì kia năng thủ có thể thủ cảnh giới hư vọng phân biệt vậy. Dùng các văn đây v.v... chứng minh không thức bên ngoài, nên làm giải bên ngoài đều chẳng phải thật biết. Nếu quán tâm thức vốn không hình tướng, chẳng phải kia chẳng phải đây không lại không đi, chẳng nương giải bên ngoài, lúc dứt phân biệt thì là thật biết tất cả sinh tâm. Nên trong luận Đại Trí Độ nói: “Nếu tất cả chúng sinh tâm tâm số pháp tánh thật có chẳng hư dối là, Phật chẳng năng biết tâm tâm số pháp của tất cả chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh tâm tâm số pháp tánh thật hư dối không đến không đi, nên Phật năng biết tâm tâm số pháp của tất cả chúng sinh. Thí như Tỳ-kheo tham câu chẳng được cúng dường, không chỗ tham cầu thì không chỗ thiếu ngấn, ngoài tâm

như vậy. Nếu phân biệt thủ tướng thì chẳng được thật pháp. Vì chẳng được thật pháp nên chẳng năng thông đạt biết tâm tâm số pháp của tất cả chúng sinh. Nếu chẳng thủ tướng, không chỗ phân biệt thì được thật pháp, nên năng thông đạt biết tâm tâm số pháp của tất cả chúng sinh không chỗ trở ngại”. Dùng văn đây chứng minh tâm không đi lại, Phật biết không bên ngoài xứng thật năng biết, chẳng đồng phạm tiểu. Trí tha tâm là hưởng duyên bên ngoài còn tạp vọng thức. Nên trong luận Duy Thức có kệ tụng nói:

*“Tha tâm biết ở cảnh  
Chẳng như thật hay biết  
Vì chẳng lìa thức cảnh  
Chỉ Phật như thật biết”.*

Dùng văn đây chứng minh, Phật biết Duy thức tự làm tha giải, không bên ngoài có thể thủ, vì biết tự tâm làm các tâm giải, trọn đoạn tâm hưởng bên ngoài phân biệt. Trong kinh Nhập Lăng-già nói; “Như thật biết tất cả các pháp chỉ là tự tâm, cho nên chẳng sinh tâm phân biệt”. Dùng văn đây chứng minh, Phật biết tha tâm tức là tự tâm, lìa phân biệt bên ngoài, chỉ duyên tự tâm, ý ngôn làm cảnh, vì các chúng sinh tâm thức vô biên, mỗi mỗi giải khác sai biệt khó lường, Phật lìa niệm bên ngoài, một tâm biết khắp, như nước chẳng động môn ảnh tượng hiện ở trong. Một tâm Phật đây lúc biết các tâm, một làm nhiều giải, nhiều tức là một như một nước kia chiếu khắp muôn ảnh tượng, tuy tức một nước mà cùng muôn tượng bên ngoài nước tương ứng. Phật tâm cũng vậy, chiếu khắp tha tâm, tuy là một tâm làm các tâm giải mà cùng tất cả tha tâm tương ứng, do tu học lâu Duy thức quán thành, nên lìa niệm bên ngoài mới năng biết khắp. Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Ma-hê-thủ-la trí tự tại,  
Long vương biển lớn lúc phun mưa  
Đều năng phân biệt số giọt đó  
Ở trong một niệm đều rõ ràng  
Vô lượng ức kiếp siêng tu học  
Được trí Bồ-đề Vô thượng đó  
Cớ sao thường ở trong một niệm  
Chẳng biết tâm tất cả chúng sinh?”*

Nên biết chư Phật niệm niệm biết khắp, đây tức là Phật ý ngôn phân biệt, tuy lúc biết Thế đế mỗi duy thức, riêng biết các tâm là Phật phân biệt, căn cứ luôn tự giác chỉ tự ý ngôn, lìa niệm bên ngoài là

không phân biệt. Nên các bậc Đại trí quán Duy thức là, lúc duyên tự ý ngôn biết Thế đế, tức cũng đạt chân, lia phân biệt bên ngoài. Cho nên Đại thừa từ phàm đến Phật, đều quán tự tâm ý ngôn làm cảnh, thì biết bên ngoài tâm không riêng có tha tâm. Tâm phàm Thánh v.v... tuy chẳng phải trong ngoài nhưng có nhân duyên làm tha biến là, như trong kinh Duy-ma nói: “Tức thời Thiên nữ dùng lực thần thông biến Xá-lợi-phất khiến như Thiên nữ, Thiên nữ tự hóa thân như Xá-lợi-phất”. Biến Xá-lợi-phất đây khiến tâm khác thấy, chẳng phải có riêng thân cải hình đổi chất, trong tâm chúng sinh tu thắng hạnh, thì trong có không vọng thấy nghiệp Phật, do có thắng nghiệp cảm thần lực Phật, khiến tâm biến khác tự thấy tha thân. Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Ở tha trong địa vị tu hành, do lực tự tại bản nguyện của Phật, nên thức kia tự chúng sinh biến khác hiển hiện, nên gọi là biến hóa thân”. Dùng văn đây chứng minh, Đức Như Lai hóa thân như Thích-ca v.v... đều là phàm tiểu tự tâm biến làm. Vì vọng thấy Phật thành đạo giáo hóa chúng sinh, sau lại vọng thấy Như Lai diệt độ, vòng thấy đây là do Phật biến, nên luận kia nói: Bồ-đề Niết-bàn là hai, chỉ biến khác tha tâm, khiến tha làm hai. Thế thật chẳng có. Dùng văn đây chứng minh, Phật biến tha tâm khiến vọng thấy Phật, ngoài tâm không Phật. Căn cứ các pháp phàm tiểu chẳng biết vọng thấy, cho là bên ngoài có Phật lại độ chúng sinh, nên trong kinh có kệ tụng nói:

*“Phật chẳng được Phật đạo  
Cũng chẳng độ chúng sinh  
Chúng sinh cưỡng phân biệt  
Làm Phật độ chúng sinh”.*

Nên trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Do thức hành nhân quán làm tăng thượng duyên, nên thức các người khác biến khác như hành nhân quán, nguyện lực hiển hiện. Nên biết định không trần bên ngoài chỉ có bản thức. Dùng văn đây chứng minh, thấy Thánh giáo hóa là đều do Phật lực làm tăng thượng duyên. Nên luận kia nói: Bồ-tát hạnh cật cật muốn làm sự lợi ích chúng sinh, ở hiện tại trước phát nguyện xong tức vào chân quán, chỉ do lực bản nguyện tùy chỗ muốn làm tất cả đều thành. Nếu Thanh văn v.v... được cửu định tự tại, nhân định tự tại đây được sáu thông tự tại, ở trong một vật, tùy lực nguyện lạc mỗi năng biến khác làm vô lượng chúng. Nếu các trần thật có tự tánh, sự đây thì chẳng được thành. Dùng văn đây chứng minh, vốn không cảnh bên ngoài, Thánh lực khiến tha không thấy hóa bên trong, vì đều vọng thấy, không cảnh bên ngoài vậy. Nếu nhiều Thánh nhân đồng xứ biến vật,

mỗi mỗi tùy ý thành cũng chẳng ngại nhau, nên luận kia nói: Ở trong một vật hoặc nhiều hành nhân quán, riêng nguyện đồng năng biến khác một cảnh. Biến khác đây được thành. Tại sao được thành? Tùy ý kia thành, nên thật không cảnh bên ngoài, chỉ có thức vậy, nên mỗi mỗi tùy ý kia được thành. Dùng văn đây chứng minh, ở trong một xứ nhiều Thánh biến hóa, tùy ý mỗi riêng biệt, khiến các chúng sinh thấy cảnh mỗi riêng khác. Hòa mà chẳng đồng, tham mà chẳng loạn, nghĩa đây rất sâu mầu, hàng đại căn mới biết. Nên từ Phật trở lại đều quán Duy thức, nên luận kia nói: Từ nguyện lạc vị cho đến cứu cánh vị, thông gọi là Duy thức quán. Dùng văn đây chứng minh, Đại thừa vào đạo đồng quán Duy thức, dần sáng đến Phật, nói quán Duy thức nguyện lạc vị là, nghĩa là theo thầy bạn nghe nói Duy thức tức năng giải hiểu, tâm sinh nguyện lạc. Do có nguyện lạc, lúc học tư lương tức là người Đại thừa nguyện lạc vị. Nên luận kia nói: Các Bồ-tát chỉ do Đức nghe tất cả pháp chỉ có thức, nương giáo đây tùy nghe khởi tâm tin vui, ở trong lý tất cả pháp Duy thức, ý ngôn phân biệt sinh, do nguyện lạc ý ngôn phân biệt đây nên nói Bồ-tát đã vào Duy thức quán, làm biết như vậy, gọi là vào Duy thức nguyện lạc vị. Dùng văn đây chứng minh, học quán Duy thức tức là Bồ-tát đại căn vào đạo. Từ trước đến đây tổng nói Đại Tiểu vào đạo cạn sâu tuy riêng biệt nhưng đều chỉ tu tuệ, dùng tuệ đó quán là thể chánh đạo, nếu chẳng tu quán thì các hạnh khác đều quấy. Đây nói rõ tuệ quán là vào đạo thể, như nói ở trước, nếu rõ tất cả cảnh giới, chỉ là ý ngôn phân biệt, thì ý không chỗ nghĩ, miệng không chỗ nói, phan duyên đã dứt, danh tướng tức không, diệu minh chân tâm từ đây vạch bày, nên được dứt đường trần lao khô sông sinh tử, niệm niệm ngấm chân, tâm tâm hợp đạo. Do đó trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Phật dạy: Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh, tất cả cảnh giới ý ngôn phân biệt, chế đó một xứ các duyên đoạn diệt. Tại sao? Một gốc chẳng khởi, ba dụng chẳng làm trú ở như lý, cửa sáu đường dứt.